

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ VÀ QUẢN TRỊ KINH DOANH

HOÀNG THỊ KIM THANH

**HOÀN THIỆN QUẢN LÝ THU THUẾ ĐỐI VỚI
DOANH NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

Chuyên ngành: Quản lý kinh tế

Mã số: 60 - 34 - 01

LUẬN VĂN THẠC SĨ KINH TẾ
(CHUYÊN NGÀNH: QUẢN LÝ KINH TẾ)

Người hướng dẫn khoa học: PGS.TS.ĐỖ THỊ BẮC

THÁI NGUYÊN - 2012

LỜI CAM ĐOAN

Luận văn thạc sỹ với đề tài: “*Hoàn thiện quản lý thu thuế đối với doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên*” do tôi thực hiện dưới sự hướng dẫn của PGS.TS Đỗ Thị Bắc - giảng viên Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh, Thái Nguyên và sự giúp đỡ của Ban Lãnh đạo, cán bộ của Cục Thuế Thái Nguyên.

Tôi xin cam đoan luận văn này hoàn toàn do kết quả nghiên cứu nghiêm túc của tôi. Các tài liệu, số liệu sử dụng trong luận văn do Tổng cục Thuế, Cục Thuế Thái Nguyên cung cấp và do cá nhân tôi thu thập trên các trang website, báo cáo của Ngành thuế, sách, báo, tạp chí Thuế, các kết quả nghiên cứu có liên quan đến đề tài đã được công bố... Các trích dẫn trong luận văn đều đã được chỉ rõ nguồn gốc.

Tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm về lời cam đoan trên.

Học viên

Hoàng Thị Kim Thanh

LỜI CẢM ƠN

Trước hết tôi xin chân thành cảm ơn toàn thể các Giáo sư, Phó giáo sư, Tiến sỹ, giảng viên Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh Thái Nguyên đã trang bị cho tôi những kiến thức cơ bản để tôi hoàn thành nhiệm vụ học tập của mình.

Để hoàn thành luận văn thạc sỹ này, tôi đã được sự chỉ dẫn tận tình của PGS.TS Đỗ Thị Bắc. Tôi xin gửi tới PGS.TS Đỗ Thị Bắc lời cảm ơn trân trọng nhất.

Tôi cũng xin chân thành cảm ơn Ban lãnh đạo Cục Thuế Thái Nguyên, cán bộ các Phòng chuyên môn, cán bộ các Chi cục Thuế đã giúp đỡ và tạo điều kiện cho tôi trong việc thu thập số liệu để làm luận văn.

Tôi xin chân thành cảm ơn!

Học viên

Hoàng Thị Kim Thanh

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

| STT | TỪ VIẾT TẮT | NGUYÊN NGHĨA |
|-----|-------------|---|
| 1 | CNTT | Công nghệ thông tin |
| 2 | CQT | Cơ quan thuế |
| 3 | GDP | Tổng sản phẩm quốc nội |
| 4 | GTGT | Giá trị gia tăng |
| 5 | HĐND | Hội đồng nhân dân |
| 6 | HTKK | Hỗ trợ kê khai |
| 7 | LPTB | Lệ phí trước bạ |
| 8 | MST | Mã số thuế |
| 9 | NNT | Người nộp thuế |
| 10 | NQD | Ngoài quốc doanh |
| 11 | NSNN | Ngân sách nhà nước |
| 12 | DNNNTW | Doanh nghiệp nhà nước trung ương |
| 13 | DN ĐTNN | Doanh nghiệp đầu tư nước ngoài |
| 14 | DNNNDP | Doanh nghiệp nhà nước địa phương |
| 15 | DNNQD | Doanh nghiệp ngoài quốc doanh |
| 16 | QLN&CCT | Quản lý nợ và cưỡng chế thuế |
| 17 | QLT | Quản lý thuế |
| 18 | TCCB | Tổ chức cán bộ |
| 19 | TINC | Chương trình quản lý đối tượng nộp thuế cấp Cục |
| 20 | TK | Tài khoản |
| 21 | TNCN | Thu nhập cá nhân |
| 22 | TNDN | Thu nhập doanh nghiệp |
| 23 | UBND | Ủy ban nhân dân |
| 24 | VATWIN | Chương trình quản thuế thuế GTGT sử dụng hệ điều hành window. |
| 25 | XHCN | Xã hội chủ nghĩa |

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của việc nghiên cứu đề tài

Thuế là nguồn thu chủ yếu của NSNN phản ánh bản chất của chế độ xã hội. Do vậy trong quản lý thuế Nhà nước cần phải luôn đổi mới hoàn thiện chính sách, pháp luật thuế để một mặt đảm bảo nguồn thu, mặt khác động viên sự đóng góp của toàn dân trong việc tạo ra nguồn lực tài chính đủ mạnh để phát triển kinh tế, xây dựng đất nước.

Qua nhiều năm cải cách và từng bước hiện đại hoá, ngành thuế đã hình thành được một hệ thống chính sách thuế bao quát được hầu hết nguồn thu của đất nước và luôn được sửa đổi bổ sung kịp thời với tình hình phát triển kinh tế, xã hội của đất nước. Thuế đã trở thành công cụ của Đảng và Nhà nước điều tiết vĩ mô nền kinh tế, khuyến khích xuất khẩu, khuyến khích đầu tư, phát triển sản xuất kinh doanh và hội nhập kinh tế quốc tế. Nhờ đó công tác quản lý thuế đảm bảo thực thi tốt và thống nhất thực thi luật thuế trong cả nước, đất nước ta đã thoát khỏi thời kỳ khủng hoảng kinh tế kéo dài và đang trong thời kỳ tăng trưởng cao. Số thu từ thuế và phí hàng năm chiếm khoảng 80% tổng thu NSNN, số thu năm sau cao hơn năm trước.

Từ khi thực hiện Luật quản lý thuế ra đời năm 2007 và các văn bản hướng dẫn thi hành của Nhà nước đến nay công tác thu ngân sách của Cục Thuế tỉnh Thái Nguyên đã có nhiều tiến bộ, năm 2009 số thu từ thuế đạt 1.203 tỷ đồng, năm 2010 số thu từ thuế đạt 1.639 tỷ đồng, năm 2011 số thu từ thuế đạt 2.470 tỷ đồng, ngành thuế tỉnh Thái Nguyên trong 3 năm liền luôn hoàn thành và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ thu NSNN do Bộ Tài chính và Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên giao.

Mặc dù đã có sự sửa đổi, bổ sung chính sách thuế theo yêu cầu của thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước nhưng công tác quản lý thu thuế của nước ta vẫn còn nhiều hạn chế như chính sách thuế chưa đồng bộ, nhất quán, chưa cụ thể rõ ràng, một số chính sách thuế còn có

nhiều mức thuế suất khác nhau, nhiều mức miễn giảm, bộ máy thanh tra, kiểm tra xử lý vi phạm pháp luật thuế còn quá mỏng so với số lượng doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh ngày càng gia tăng, đa dạng và phức tạp, với nhiều ngành nghề, nhiều địa bàn khu vực kinh tế. Do vậy để khắc phục những hạn chế và tồn tại trong công tác quản lý thu thuế nói chung hiện nay và đảm bảo nguồn thu ổn định trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên tôi nghiên cứu và lựa chọn đề tài: ***“Hoàn thiện quản lý thu thuế đối với doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên”***

2. Mục tiêu nghiên cứu của đề tài

2.1. Mục tiêu chung

Từ việc phân tích, đánh giá tình hình thực hiện các luật thuế trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên đề xuất đưa ra một số giải pháp chủ yếu nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý thu thuế đối với doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế.

2.2. Mục tiêu cụ thể

- Hệ thống hoá cơ sở lý luận và thực tiễn về quản lý thu thuế đối với doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

- Đánh giá được thực trạng công tác quản lý thu thuế đối với doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

- Đề xuất một số giải pháp nâng cao công tác quản lý thu thuế đối với doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của đề tài

3.1 Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu là các vấn đề về quản lý thu thuế đối với doanh nghiệp, các loại hình doanh nghiệp: Doanh nghiệp nhà nước trung ương, doanh nghiệp nhà nước địa phương, doanh nghiệp đầu tư nước ngoài, doanh nghiệp ngoài quốc doanh và các cán bộ quản lý thuế.

3.2 Phạm vi nghiên cứu

- Về mặt không gian: Nghiên cứu trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên
- Về mặt thời gian: Giai đoạn từ 2009 - 2011
- Nội dung nghiên cứu: Quản lý thu thuế đối với doanh nghiệp là rất rộng, đa dạng và phức tạp. Vì vậy phạm vi của đề tài chỉ tập trung nghiên cứu về quản lý thu thuế đối với doanh nghiệp hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên và nộp thuế tại Cục Thuế tỉnh Thái Nguyên.

4. Đóng góp mới của Luận văn

Luận văn là công trình khoa học có ý nghĩa lý luận và thực tiễn thiết thực, là tài liệu giúp Cục thuế tỉnh Thái Nguyên quản lý thu thuế đối với doanh nghiệp có cơ sở khoa học.

Luận văn nghiên cứu khá toàn diện và có hệ thống về hoàn thiện quản lý thu thuế đối với doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên, có ý nghĩa thiết thực cho công tác quản lý thu thuế đối với doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên và các địa phương có điều kiện tương tự.

5. Bố cục của Luận văn

Luận văn ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, được chia ra 4 chương nội dung chính như sau:

Chương 1: Cơ sở lý luận và thực tiễn về quản lý thu thuế đối với doanh nghiệp

Chương 2: Phương pháp nghiên cứu

Chương 3: Thực trạng công tác quản lý thu thuế đối với doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên

Chương 4: Giải pháp hoàn thiện quản lý thu thuế đối với doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên

CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN VỀ QUẢN LÝ THU THUẾ ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP

1.1. Cơ sở lý luận về quản lý thu thuế đối với doanh nghiệp

1.1.1. Lý luận chung về Thuế

1.1.1.1 Khái niệm về Thuế

Trong lịch sử phát triển của xã hội loài người, thuế ra đời là một sự cần thiết khách quan gắn liền với sự ra đời, tồn tại và phát triển của Nhà nước. Sự xuất hiện thuế trong kỷ nguyên của nhân loại gắn liền với nhu cầu chi tiêu của Nhà nước.

Có nhiều định nghĩa về thuế. Ở nước ta hiện nay cũng chưa có một định nghĩa thống nhất về thuế. Chúng tôi cho rằng định nghĩa trong giáo trình "lý thuyết về thuế" Học viện Tài chính được coi là chính thống thì thuế được định nghĩa như sau: thuế là một khoản đóng góp bắt buộc từ các thể nhân và pháp nhân cho Nhà nước theo mức độ và thời hạn được pháp luật quy định, nhằm sử dụng cho mục đích công cộng.

Hoặc dưới góc độ tài chính thì “Thuế là một trong những biện pháp tài chính bắt buộc nhưng phi hình sự của Nhà nước nhằm động viên một số bộ phận thu nhập từ lao động, từ của cải, từ vốn, từ các chi tiêu hàng hoá và dịch vụ, từ tài sản của các thể nhân và pháp nhân nhằm tập trung vào tay Nhà nước để trang trải các khoản chi phí cho bộ máy nhà nước và các nhu cầu chung của xã hội. Các khoản thu qua thuế được thể chế bằng luật”.

1.1.1.2 Vai trò của Thuế

- Thuế là công cụ chủ yếu của nhà nước nhằm huy động tập trung một phần của cải vật chất trong xã hội vào ngân sách nhà nước, thuế là nguồn thu chủ yếu của ngân sách nhà nước.

Một nền tài chính quốc gia lành mạnh phải dựa chủ yếu vào nguồn thu từ nội bộ nền kinh tế quốc dân. Tất cả các nhu cầu chi tiêu của Nhà nước đều

được đáp ứng qua các nguồn thu từ thuế, phí các hình thức thu khác như: vay mượn, viện trợ nước ngoài, bán tài nguyên quốc gia, thu khác... Song thực tế các hình thức thu ngoài thuế đó có rất nhiều hạn chế, bị ràng buộc bởi nhiều điều kiện. Do đó thuế được coi là khoản thu quan trọng nhất vì khoản thu này mang tính chất ổn định và khi nền kinh tế càng phát triển thì khoản thu này càng tăng. Ở nước ta, thuế thực sự trở thành nguồn thu chủ yếu của Ngân sách Nhà nước từ năm 1991. Điều này được thể hiện qua tỷ trọng số thuế trong tổng thu ngân sách (xem bảng 1.1).

Bảng 1.1: Tỷ lệ thuế và phí trong tổng thu Ngân sách Nhà nước và Thu nhập quốc dân giai đoạn 1991-2011

| Năm | Tổng số thuế và phí (tỷ đồng) | So với tổng thu NSNN (%) | So với GDP (%) |
|------|-------------------------------|--------------------------|----------------|
| 1991 | 5.906 | 73,7 | 14,0 |
| 2001 | 89.967 | 76,9 | 20,5 |
| 2011 | 400.800 | 92,6 | 20,2 |

(Nguồn: Tổng cục Thuế)

Số liệu thống kê trên cho thấy số thu thuế và phí chiếm phần lớn trong tổng thu NSNN và tăng nhanh qua các năm, đảm bảo về cơ bản yêu cầu chi thường xuyên ngày càng tăng của NSNN, giảm bội chi ngân sách, giảm lạm phát, từng bước góp phần ổn định trật tự xã hội, an ninh quốc phòng và giành một phần để tăng tích lũy. Do vậy có thể khẳng định thuế là nguồn thu quan trọng và chủ yếu của NSNN.

- Thuế là công cụ điều tiết vĩ mô của nhà nước đối với nền kinh tế và đời sống xã hội.

Chính sách thuế được đặt ra không chỉ nhằm mang lại số thu đơn thuần cho ngân sách mà yêu cầu cao hơn là qua thu góp phần thực hiện chức năng việc kiểm kê, kiểm soát, quản lý hướng dẫn và khuyến khích phát triển sản xuất, mở rộng lưu thông đối với tất cả các thành phần kinh tế theo hướng phát

triển của kế hoạch nhà nước, góp phần tích cực vào việc điều chỉnh các mặt mắt cân đối lớn trong nền kinh tế quốc dân.

Ngày nay, hướng vào việc xử lý các mục tiêu của kinh tế vĩ mô là nhiệm vụ trọng tâm của mọi Chính phủ. Sự thành công hay thất bại của việc quản lý Nhà nước, nền kinh tế giải quyết các mục tiêu của kinh tế vĩ mô. Trong nền kinh tế thị trường hiện đại, người ta thường xác định 4 mục tiêu cơ bản của kinh tế vĩ mô mà mọi chính phủ phải theo đuổi đó là:

+ Thuế kích sự tăng trưởng kinh tế, tạo công ăn việc làm.

Thuế có ảnh hưởng rất lớn đến nền kinh tế, đến việc điều tiết kinh tế thị trường của Nhà nước. Thông qua thuế, Nhà nước thực hiện định hướng phát triển sản xuất. Chính sách thuế có định hướng phân biệt, có thể góp phần tạo ra sự phát triển cân đối hài hoà giữa các ngành, các khu vực, các thành phần kinh tế, làm giảm bớt chi phí xã hội và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Trong nền kinh tế thị trường xảy ra các chu kỳ kinh doanh đó là chu kỳ dao động lên xuống về mức độ thất nghiệp và tỷ lệ lạm phát, sự ổn định nền kinh tế với tình trạng có đầy đủ công ăn việc làm, lạm phát ở mức thấp để thúc đẩy nền kinh tế tăng trưởng bền vững.

+ Thuế thực hiện vai trò tái phân phối các nguồn tài chính, góp phần đảm bảo công bằng xã hội.

Nhà nước dùng thuế để điều tiết phân chênh lệch giữa người giàu và người nghèo, thông qua việc trợ cấp hoặc cung cấp hàng hoá công cụ. Thông qua thuế Thu nhập, Nhà nước thực hiện vai trò điều chỉnh vĩ mô trong lĩnh vực tiền lương và thu nhập, hạn chế sự phân hoá giàu nghèo và tiến tới công bằng xã hội. Một khía cạnh khác của chính sách thuế nhằm điều chỉnh thu nhập là các khoản thuế đánh vào tiêu dùng như: Thuế GTGT, thuế Tiêu thụ đặc biệt.

Với những hàng hoá dịch vụ thiết yếu việc giảm thuế sẽ có lợi cho người nghèo hơn và sự chênh lệch về thu nhập cũng được giảm bớt. Trái lại